

THÔNG BÁO

Kết quả giám sát ngoại kiểm (đột xuất) chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

I. Thông tin chung về cơ sở cấp nước:

- Tên cơ sở cấp nước: Cơ sở cấp nước xã Mỹ Lộc.
- Địa chỉ: xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đông Thái Ninh tỉnh Hưng Yên).
- Đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần Đỗ Đức.
- Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Chợ Cống.

II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:

1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:

Ngày 18/6/2025, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với Trung tâm y tế huyện Thái Thụy tổ chức ngoại kiểm (đột xuất) 03 mẫu nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của cơ sở cấp nước xã Mỹ Lộc, cụ thể như sau:

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại Phòng khám đa khoa Thái Xuyên, thôn Lục Bắc, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Nguyễn Văn Vinh, thôn Lam Duyên, xã Thái Đô, huyện Thái Thụy.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 31 thông số theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Thái Bình: 27 thông số về hóa, lý và 04 thông số về Vi sinh vật.

2. Kết quả thử nghiệm: Căn cứ kết quả số: 805/2025/KQTN-XN ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình (Có bản kết quả gửi kèm), cho thấy:

2.1. Về kết quả xét nghiệm các thông số Hóa, Lý:

- Mẫu số 1: Có 27/27 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép.
- Mẫu số 2,3: Có 25/27 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép, thông số không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: Độ đục, hàm lượng Clo dư.

2.2. Về kết quả xét nghiệm các thông số Vi sinh vật:

- Mẫu số 1: Có 3/4 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép, thông số không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: P.aeruginosa.
- Mẫu số 2,3: Có 2/4 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép, thông số không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: Coliform, P.aeruginosa.



III. Kiến nghị:

1. Cơ sở cấp nước xã Mỹ Lộc - Công ty cổ phần Đô Đức:

- Khắc phục ngay thông số Clo dư tự do và P.aeruginosa tại mẫu số 2, mẫu số 3 bằng cách tăng cường bổ sung hàm lượng Clo trong nước để đảm bảo việc khử trùng nước sạch, thực hiện ngay việc xét nghiệm thông số này (thời gian thực hiện xét nghiệm trong 03 ngày), báo cáo kết quả khắc phục về các cơ quan chức năng theo quy định.

- Khắc phục ngay thông số Độ đục tại mẫu số 2,3 bằng cách thực hiện rà soát lại hệ thống lắng, lọc tại cơ sở cấp nước và hệ thống đường ống cấp nước tới hộ gia đình (*cải tạo hệ thống lắng, lọc, thường xuyên sục xả đường ống cấp nước tới các hộ gia đình, xả cặn tại các điểm cuối nguồn cấp nước,...*), báo cáo hành động khắc phục tới các cơ quan chức năng.

- Gửi thông báo kết quả giám sát này tới các địa phương trong phạm vi dự án cấp nước và các hộ gia đình, nhất là những hộ gia đình được giám sát ngay sau khi nhận được kết quả.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng, bảo quản nguồn nước tại hộ gia đình đảm bảo vệ sinh, thường xuyên vệ sinh dụng cụ chứa nước.

- Tiếp tục thực hiện công khai kết quả nội kiểm, kết quả ngoại kiểm theo quy định hiện hành (công khai tại cơ sở cấp nước, gửi UBND các xã trong phạm vi cấp nước).

- Tăng cường công tác nội kiểm của cơ sở cấp nước, kiểm soát chặt chẽ nguồn nước nguyên liệu (nước sông) nhất là những thời điểm mùa mưa, bão, sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh... để có kế hoạch khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên rà soát hệ thống sản xuất, quy trình sản xuất, định kỳ có kế hoạch vệ sinh đường ống cấp nước tới các hộ gia đình.

- Đối với các thông số có tính chất hay biến động (Hàm lượng Clo dư tự do, Độ đục...) đề nghị cơ sở cấp nước theo dõi chặt chẽ theo từng ca trực, thường xuyên kiểm soát chất lượng nước nguyên liệu để có kế hoạch điều chỉnh sản xuất cho phù hợp.

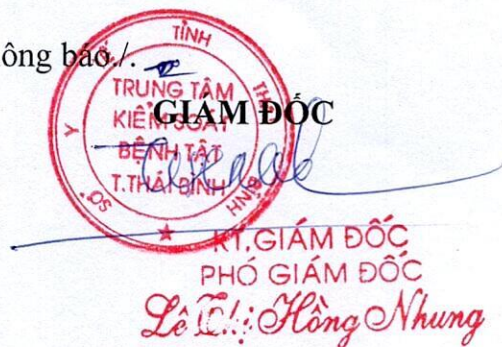
- Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo ngay cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

2. Đối với các ngành chức năng và chính quyền địa phương: Đề nghị tăng cường kiểm tra, giám sát và thường xuyên nắm bắt thông tin phản ánh của người dân và dư luận để kịp thời phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của cơ sở cấp nước.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Sở Nông Nghiệp&MT;
- UBND xã Đông Thái Ninh;
- Trung tâm Y tế Thái Thụy;
- Cơ sở cấp nước Mỹ Lộc;
- Lưu VT, SKMT.





SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, TP Thái Bình
ĐT : 02273.832.639 - Email: khoaxncdctb@gmail.com

Số: 805 /2025/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 27/06/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu:

M1(N09/18/06/25)-Mẫu lấy tại Vòi phát

M2(N10/18/06/25)-Mẫu lấy tại Phòng Khám Đa Khoa Thái Xuyên – Thôn Lục Bắc – Thái Xuyên -TT

M3(N11/18/06/25)-Mẫu lấy tại Hộ GD Ông Nguyễn Văn Vinh – Thôn Lam Duyên – Thái Đô - TT

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có tem niêm phong.

Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Nước Mỹ Lộc

Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc – Huyện Thái Thụy - Tỉnh Thái Bình

Người lấy mẫu: Lại Văn Dương - Khoa Xét Nghiệm CDHA & TDCN - Trung tâm KSBT

Ngày lấy mẫu: Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			QCDP 01:2023/TB
				M1	M2	M3	
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	< 2,0 ^(a)	2,62	< 2,0 ^(a)	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, không có vị lạ	Không có mùi, không có vị lạ	Không có mùi, không có vị lạ	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,85	6,77	3,99	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,04	7,14	7,03	6,0-8,5
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,65x10 ^{-3(b)}	2,0x10 ^{-3(a)}	<0,65x10 ^{-3(b)}	0,01
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,68	< 0,04 ^(b)	< 0,04 ^(b)	0,2-1,0
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,03 ^(a)	<0,03 ^(a)	<0,009 ^(b)	0,3
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<2,0x10 ^{-3(b)}	<2,0x10 ^{-3(b)}	<2,0x10 ^{-3(b)}	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,15 ^(b)	<0,15 ^(b)	<0,15 ^(b)	0,7
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,33x10 ^{-3(b)}	<0,33x10 ^{-3(b)}	<0,33x10 ^{-3(b)}	0,003
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,896	1,024	0,928	2
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	68,8	69,5	68,8	250 (hoặc 300)

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thái Bình
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			QCDP 01:2023/TB
				M1	M2	M3	
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	$<0,67 \times 10^{-3(b)}$	$<0,67 \times 10^{-3(b)}$	$<0,67 \times 10^{-3(b)}$	0,05
14.	Hàm lượng Đồng ^(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	1
15.	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	120	120	120	300
16.	Hàm lượng Kẽm ^(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	2
17.	Hàm lượng Mangan tổng số ^(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	$<0,1^{(a)}$	$<0,1^{(a)}$	$<0,03^{(b)}$	0,1
18.	Hàm lượng Natri ^(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	31,0	30,9	29,2	200
19.	Hàm lượng Nitrat(NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,823	0,854	0,893	2
20.	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	$<0,003^{(b)}$	$<0,003^{(b)}$	$<0,003^{(b)}$	0,05
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) ^(*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	$<0,1^{(a)}$	0,208	$<0,1^{(a)}$	0,3
22.	Hàm lượng Sulphate ^(*)	EPA.375.4	mg/L	20,2	19,4	20,4	250
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	$<0,3 \times 10^{-3(b)}$	$<0,3 \times 10^{-3(b)}$	$<0,3 \times 10^{-3(b)}$	0,001
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	220	252	256	1000
25.	Hàm lượng Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	$<1,6 \times 10^{-3(b)}$	$<1,6 \times 10^{-3(b)}$	$<1,6 \times 10^{-3(b)}$	0,01
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2017	mg/L	$<0,02^{(b)}$	$<0,02^{(b)}$	$<0,02^{(b)}$	0,07
27.	Hàm lượng Florua	SMEWW4500D:2017	mg/L	$<0,3^{(a)}$	$<0,3^{(a)}$	$<0,3^{(a)}$	1,5

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			QCDP 01:2023/TB
				M1	M2	M3	
1.	Coliform ^(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	09	$1,0 \times 10^1$	<3
2.	E.coli ^(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
3.	S. aureus	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
4.	P. aeruginosa ^(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	03	$1,8 \times 10^3$	$1,5 \times 10^3$	<1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Luân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CDHA& TDCN

Phạm Thị Thu Hà
Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thái Bình
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025: 2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ